

Số: /QĐ-CĐCĐ

Kon Tum, ngày 16 tháng 9 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển trình độ cao đẳng, ngành Giáo dục  
Mầm non, hệ chính quy, theo phương thức xét điểm thi tốt nghiệp THPT 2021**

### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG KON TUM**

*Căn cứ Quyết định số 1671/QĐ-LĐTĐ ngày 24/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Kon Tum, Trường Cao đẳng Sư phạm Kon Tum, Trường Trung cấp Y tế Kon Tum, Trường Trung cấp nghề Kon Tum thành Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum;*

*Căn cứ Thông tư số 1308/VBHN-BLĐTBXH ngày 05/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;*

*Căn cứ Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2021/TT-BGDĐT ngày 01/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Công văn số 3190/BGDĐT-GDDH ngày 30/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công tác tuyển sinh năm 2021 trong tình dịch COVID-19;*

*Căn cứ Công văn số 3567/BGDĐT-GDDH ngày 20/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tiếp tục triển khai công tác tuyển sinh trình độ đại học; trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2021;*

*Căn cứ Quyết định số 2668/QĐ-BGDĐT ngày 25/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng năm 2021;*

*Căn cứ Đề án tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hệ chính quy năm 2021 của Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum;*

*Căn cứ Quyết định số 847/QĐ-CĐCĐ ngày 26/8/2021 của Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum về việc xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với ngành Giáo dục Mầm non, trình độ cao đẳng, hệ chính quy năm 2021;*

*Xét đề nghị của Trưởng Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh và Trưởng phòng Đào tạo.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận thí sinh trúng tuyển trình độ cao đẳng, ngành Giáo dục Mầm non, hệ chính quy, theo phương thức xét điểm thi tốt nghiệp THPT 2021, gồm 68 (sáu mươi tám) thí sinh, có danh sách tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng các đơn vị thuộc Trường, các thí sinh có tên tại Điều 1 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Các thành viên HĐTS;
- Ban thư ký HĐTS;
- Đăng Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT.

**HIỆU TRƯỞNG****Lê Trí Khải**

## Phụ lục

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON  
HỆ CHÍNH QUY, THEO PHƯƠNG THỨC XÉT ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP THPT 2021  
CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG KON TUM**

TT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	ĐT UT	KV UT	Năm TN THPT	Tổng điểm XT	Ghi chú
1.	Y HẠ	24/12/2003	Nữ	233341336	01	01	2021	21.06	
2.	Y HƯƠNG	15/09/2003	Nữ	233341337	01	01	2021	19.81	
3.	Y KHÁNH	26/03/2003	Nữ	233327492	01	01	2021	22.37	
4.	Y HUU	13/09/2003	Nữ	233341462	01	01	2021	21.76	
5.	TRẦN THỊ THANH MAI	28/02/2002	Nữ	233325050		01	2021	22.31	
6.	NGUYỄN TƯỜNG VI	06/01/2003	Nữ	233319761		01	2021	23.45	
7.	Y VĂN	21/06/2003	Nữ	233383013	01	01	2021	21.57	
8.	Y BOANG	10/04/2003	Nữ	233346060	01	01	2021	21.50	
9.	Y NGA	03/06/2003	Nữ	233352846	01	01	2021	22.18	
10.	Y DIỆU KHÁNH	04/04/2003	Nữ	233338750	01	01	2021	21.43	
11.	Y HŁAK	24/07/2003	Nữ	233346374	01	01	2021	23.12	
12.	Y VĨ	11/03/2003	Nữ	233383571	01	01	2021	23.63	
13.	Y XIÊN	27/07/2003	Nữ	233340160	01	01	2021	22.63	
14.	Y XIÊN	28/12/2003	Nữ	233340370	01	01	2021	22.25	
15.	Y LECK	25/12/2003	Nữ	233366952	01	01	2021	20.75	
16.	Y MLENH	14/11/2003	Nữ	233342304	01	01	2021	22.44	
17.	Y SAO ÁI	22/12/2002	Nữ	233384044	01	01	2021	24.06	
18.	PHẠM THỊ CÚC	13/10/2003	Nữ	233384066	01	01	2021	21.81	
19.	Y - THU HÀ	05/01/2003	Nữ	233322515	01	01	2021	24.01	
20.	Y SIU LOAI	24/01/2003	Nữ	233341792	01	01	2021	24.19	
21.	Y ĐIỂM MƠ	06/05/2003	Nữ	233354553	01	01	2021	24.88	
22.	Y TRI NA	09/12/2003	Nữ	233375692	01	01	2021	22.73	

TT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	ĐT UT	KV UT	Năm TN THPT	Tổng điểm XT	Ghi chú
23.	LÊ THỊ QUỲNH NHUNG	29/08/2003	Nữ	233342562		01	2021	23.18	
24.	Y THỜI	24/01/2003	Nữ	233353309	01	01	2021	23.26	
25.	Y TRẦNH	15/05/2003	Nữ	233383840	01	01	2021	22.32	
26.	NGUYỄN THỊ MỸ LUYẾN	03/05/2003	Nữ	062303000135		01	2021	22.31	
27.	Y - ANH	23/02/2003	Nữ	233343829	01	01	2021	22.69	
28.	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI	05/11/2003	Nữ	233348208		01	2021	18.94	
29.	Y IM	07/11/2003	Nữ	233376655	01	01	2021	19.44	
30.	LÊ THỊ THẢO	28/02/2003	Nữ	062303001139		01	2021	21	
31.	PHẠM THỊ THẢO	12/10/2000	Nữ	233280898		01	2018	25.06	
32.	Y DĨA	12/08/2003	Nữ	233338271	01	01	2021	23.50	
33.	Y - MAI LAN	22/09/2003	Nữ	233366619	01	01	2021	20	
34.	Y LANG	01/06/2003	Nữ	233337457	01	01	2021	23.26	
35.	Y - PHƯƠNG	21/01/2003	Nữ	233366976	01	01	2021	24.01	
36.	ĐINH HỒNG SIÊU	20/09/2003	Nữ	233373860	01	01	2021	24.81	
37.	Y THIẾP	14/08/2003	Nữ	233344751	01	01	2021	21.46	
38.	Y THUẾ	09/03/2003	Nữ	233337127	01	01	2021	23	
39.	Y - VY	10/04/2003	Nữ	233337327	01	01	2021	21.57	
40.	Y THẢO	25/02/2001	Nữ	062301000153	01	01	2019	21.94	
41.	NGUYỄN HOÀNG HUYỀN CHI	18/09/2003	Nữ	233384468		01	2021	21.12	
42.	TRẦN THỊ THU HOÀNG	18/07/2003	Nữ	233342270		01	2021	20.25	
43.	LÊ THỊ DIỄM QUỲNH	14/08/2003	Nữ	233375186		01	2021	23.07	
44.	Y SƯƠNG	08/03/2003	Nữ	062303000624	01	01	2021	22.06	
45.	Y - TIS	23/06/2003	Nữ	233338961	01	01	2021	22.21	
46.	LƯU THỊ THÙY TRANG	31/05/2003	Nữ	062303000560		01	2021	19.73	
47.	Y LOAN	14/02/2003	Nữ	233338962	01	01	2021	21.50	
48.	ĐOÀN THỊ THƯƠNG	07/10/2003	Nữ	233375887		01	2021	21.87	
49.	NGUYỄN THỊ DUYÊN	23/02/2003	Nữ	062303001109		01	2021	22.19	

TT	Họ Tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND/CCCD	ĐT UT	KV UT	Năm TN THPT	Tổng điểm XT	Ghi chú
50.	Y GYUIH	05/09/2003	Nữ	233335423	01	01	2021	23.07	
51.	Y QUỲNH NHƯ	07/02/2003	Nữ	062303001113	01	01	2021	21.76	
52.	Y - RI	09/02/2003	Nữ	233327386	01	01	2021	23.44	
53.	TRẦN LÊ THANH THẢO	20/11/2003	Nữ	233347841		01	2021	22.19	
54.	Y DIỆP	21/01/2003	Nữ	233322584	01	01	2021	20.63	
55.	LƯƠNG THỊ HUỆ	10/10/2002	Nữ	MI3600737858	01	01	2021	23.26	
56.	NGUYỄN THỊ TÚ TRÂM	25/08/2003	Nữ	233334828		01	2021	21.56	
57.	Y XÁO	03/12/2003	Nữ	233337008	01	01	2021	19.44	
58.	Y NGỌC CHÂU	15/04/2003	Nữ	062303000242	01	01	2021	22.51	
59.	Y GIỒNG	30/09/2002	Nữ	233317667	01	01	2021	19.25	
60.	Y HẢO	16/11/2003	Nữ	233332796	01	01	2021	23.44	
61.	Y NGỌC LỆ	07/03/2003	Nữ	233332909	01	01	2021	24.31	
62.	Y MAI	18/11/2003	Nữ	233355407	01	01	2021	23.07	
63.	Y PHÁO	10/04/2003	Nữ	233338322	01	01	2021	22.51	
64.	Y VĂN	09/03/2003	Nữ	233332806	01	01	2021	21.88	
65.	NGUYỄN THỊ LINH CHI	20/09/2003	Nữ	233360284		01	2021	21	
66.	LÊ THỊ KIM YẾN	16/12/2003	Nữ	233352752		01	2021	22.88	
67.	Y NHÁNH	29/08/2003	Nữ	233340498	01	01	2021	22.56	
68.	Y WUN	01/08/2003	Nữ	233363718	01	01	2021	19.26	

**Ghi chú:** Tổng điểm xét tuyển (thang điểm 30) = (Tổng điểm 3 môn đã nhân hệ số \*3/tổng hệ số 3 môn + Điểm ưu tiên + điểm khuyến khích) làm tròn đến 2 chữ số sau dấu phẩy.

Danh sách trên có 68 thí sinh.

Trong đó:

Nữ: 68.

Dân tộc thiểu số: 51